

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phạm Bảo Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Duy Chuyên;  
Ông Lê Xuân Thư.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Dương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. **Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 24 tháng 3 năm 2014. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Vợ chồng sống ly thân từ năm

2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hoá xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1.

**Về con chung:** anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 18/01/2015, Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 22/4/2016 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 28/4/2020. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao 03 (ba) cháu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung và công nợ:** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Theo bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị H chung sống là do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa năm 2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2022 thì chị H và mẹ anh có mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về nhà ngoại sinh sống cho đến nay, tuy nhiên tình cảm vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh chị có 03 con chung Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 18/01/2015, Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 22/4/2016 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 28/4/2020.

Nếu phải ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 03 con chung. Anh không yêu cầu chị H phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 11/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H thể hiện: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H theo giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyền số 01 ngày 24/3/2024. Sau khi kết hôn, anh H1 và chị H chung sống tại thôn P, xã H, huyện H. Anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Ngọc H2 và Nguyễn Thu P. Việc anh H1 và chị H có mâu thuẫn hay không, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không nắm bắt được cụ thể.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung gì thêm. Anh H1 vắng mặt nên không thể hiện ý kiến tại phiên tòa. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành đúng nhưng bị

đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ đương sự. Về nội dung vụ án: căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H1. Về con: giao cháu Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 18/01/2015 và cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 28/4/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 22/4/2016 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ: hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với anh Nguyễn Văn H1 nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; anh Nguyễn Văn H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

#### [2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H và anh H1 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 23 quyển số 01 ngày 24/3/2024 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống theo chị H trình bày thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ năm 2023 chị chuyển về sống tại nhà ngoại ở xã H, chị xác định không còn tình cảm với anh H1, vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh H1 trình bày vợ chồng anh không có mâu thuẫn, năm 2022, chị H và mẹ anh có xảy ra cãi vã, tuy nhiên anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân bắt nguồn từ tình cảm tự nguyện của hai bên và bền chặt được cũng dựa trên sự tồn tại của cảm xúc, tình cảm tự nguyện từ hai phía, một trong hai bên dù có quyết tâm, tình cảm đến đâu mà phía còn lại không còn, không tự nguyện đều không đạt được mục đích của hôn nhân là sự chia sẻ, cảm thông, hòa hợp và hạnh phúc. Chị H đưa ra nhiều nội dung về nguyên nhân, lý do vợ chồng mâu thuẫn nhưng xác định vợ chồng mâu thuẫn là có thật. Chị H đã chuyển về nhà ngoại ở từ năm 2023 nên vợ chồng không sống với nhau. Chị H khẳng định không còn tình cảm với anh H1 và xin được ly hôn. Mặt khác, dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa như vậy cũng có thể xác định anh H1 cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 03 (ba) con chung là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Ngọc H2 và Nguyễn Thu P. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai, anh H1 có nguyện vọng được nuôi 03 (ba) con chung.

Tại bản tự khai ngày 03/12/2024, cháu L và cháu H2 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Hiện cháu Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Ngọc H2 học trường Tiểu học xã H.

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của chị H và anh H1 đều mong muốn được nuôi cả 03 (ba) cháu. Tuy nhiên, sau khi ly hôn cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Để đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ, sự trình bày của các đương sự và nguyện vọng của các cháu. Ngoài ra cháu P hiện đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Do đó áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Kim L và cháu Nguyễn Thu P cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc H2 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H và anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp sau này anh H1, chị H nhận thấy hai bên không có đủ điều kiện nuôi con chung thì có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.



[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 18/01/2015 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 28/4/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 22/4/2016 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0004071, ngày 21 tháng 11 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS huyện H;
- UBND xã H, H. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Bảo Yên**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ phút ngày 27 tháng 12 năm 2024;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Bảo Y.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Duy C;

Ông Lê Xuân T1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn F, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. **Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.**

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

1. Về điều luật: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 03/03

2. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

3. Về con chung: Giao 03 (ba) cháu Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 18/01/2015, Nguyễn Ngọc H2, sinh ngày 22/4/2016 và Nguyễn Thu P, sinh ngày 28/4/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh H1 không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 03/03.



4. Về tài sản, công nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 03/03.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0004071, ngày 21 tháng 11 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 27 tháng 12 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Thư Lương Thị H3**

**Phạm Bảo Y**